

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<i>Duyên</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<i>Duyên</i>	8,0	Tám	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<i>Đào</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<i>Hằng</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT1	
5	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<i>Hân</i>	7,0	bảy	C22QT1	
6	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<i>Hoàn</i>	6,0	Sáu	C22QT1	
7	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002				C22QT1	Vắng
8	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<i>Long</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT1	
9	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<i>Mai</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT1	
10	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<i>Mai</i>	4,0	bốn	C22QT1	
11	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<i>Nam</i>	8,0	tám	C22QT1	
12	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<i>Ngân</i>	6,0	Sáu	C22QT1	
13	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<i>Như</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT1	
14	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<i>Như</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
15	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<i>Phúc</i>	8,0	tám	C22QT1	
16	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<i>Quỳnh</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
17	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<i>Thảo</i>	5,0	Năm	C22QT1	
18	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thị	30/05/2002	<i>Thị</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT1	
19	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<i>Thư</i>	6,0	Sáu	C22QT1	Thư
20	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<i>Thư</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
21	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<i>Thư</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT1	
22	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<i>Trâm</i>	7,0	bảy	C22QT1	
23	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<i>Trâm</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT1	
24	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<i>Trinh</i>	4,0	bốn	C22QT1	
25	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<i>Trinh</i>	7,0	bảy	C22QT1	
26	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<i>Vân</i>	8,5	bảy rưỡi	C22QT1	
27	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002	<i>Yến</i>	8,0	tám	C22QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

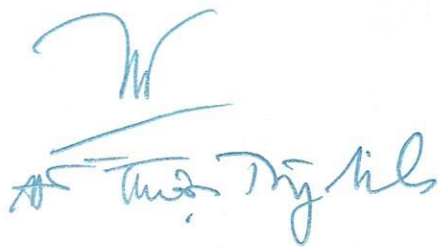
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...15...tháng...4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Hải

Ngày...17...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền

TRƯỞNG
KHOA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<i>Duyên</i>	7,0	bảy	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<i>Duyên</i>	7,0	bảy	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<i>Đào</i>	6,0	sáu	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<i>H</i>	8,0	tám	C22QT1	
5	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<i>Thao</i>	7,0	bảy	C22QT1	
6	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<i>H</i>	7,0	bảy	C22QT1	
7	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002				C22QT1	
8	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<i>Long</i>	8,0	tám	C22QT1	
9	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<i>Mai</i>	7,0	bảy	C22QT1	
10	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<i>Mai</i>	5,0	năm	C22QT1	
11	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<i>Nam</i>	7,0	bảy	C22QT1	
12	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<i>Ngân</i>	9,0	chín	C22QT1	
13	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<i>Như</i>	8,0	tám	C22QT1	
14	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<i>Như</i>	7,0	bảy	C22QT1	
15	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<i>Phúc</i>	5,0	sáu	C22QT1	
16	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<i>Quỳnh</i>	8,0	tám	C22QT1	
17	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<i>Thảo</i>	8,0	tám	C22QT1	
18	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<i>Thi</i>	8,0	tám	C22QT1	
19	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<i>Thư</i>	5,0	năm	C22QT1	
20	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<i>Thư</i>	5,0	năm	C22QT1	
21	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<i>Thư</i>	8,0	tám	C22QT1	
22	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<i>Trâm</i>	9,0	chín	C22QT1	
23	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<i>Trâm</i>	7,0	bảy	C22QT1	
24	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<i>Trinh</i>	8,0	tám	C22QT1	
25	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<i>Trinh</i>	8,0	tám	C22QT1	
26	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<i>Vân</i>	8,0	tám	C22QT1	
27	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002	<i>Yến</i>	5,0	năm	C22QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

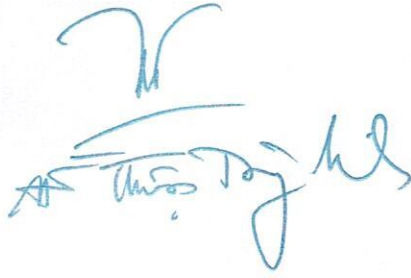
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày...11 tháng 4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Ngọc

Ngày...17 tháng 3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền

TRUC

KH



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Bằng	19/11/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	năm	C22QT2	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	năm	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
6	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	Hân
7	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT2	
8	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
9	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT2	
10	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
11	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT2	
12	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
13	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT2	
14	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
15	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
16	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT2	
17	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
18	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT2	
19	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT2	
20	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
21	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT2	
22	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT2	
23	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT2	
24	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
25	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT2	
26	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26

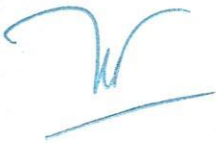
Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày...19...tháng...9...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Anh

Ngày...17...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Huyền

TRƯỞNG
KHÁ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Bằng	19/11/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	sáu	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
6	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	<i>[Signature]</i>
7	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	<i>[Signature]</i>
8	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
9	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	<i>[Signature]</i>
10	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	sáu	C22QT2	
11	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT2	
12	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT2	
13	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
14	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
15	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
16	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
17	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
18	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
19	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	<i>[Signature]</i>	4,0	bốn	C22QT2	
20	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
21	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
22	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT2	
23	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
24	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT2	
25	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT2	
26	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

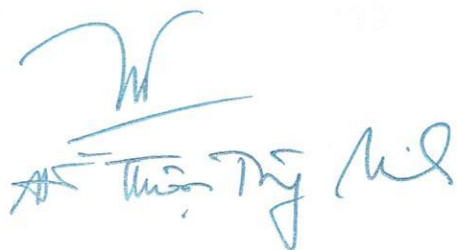
Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày 10 tháng 01 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Mỹ

Ngày 17 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim Anh	02/02/1997	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
2	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001	<i>[Signature]</i>	5,0	năm	C22QT3	
3	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT3	
4	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	năm	C22QT3	
5	2010100099	Trần Thủy Hằng	06/08/2002				C22QT3	Xăng
6	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
7	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
8	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
9	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT3	
10	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT3	
11	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT3	Nợ HP
12	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	sáu	C22QT3	
13	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT3	
14	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000	<i>[Signature]</i>	6,0	sáu	C22QT3	
15	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
16	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
17	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
18	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT3	
19	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT3	
20	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
21	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002	<i>[Signature]</i>	6,7	Sáu phẩy bảy	C22QT3	
22	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT3	
23	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
24	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	năm	C22QT3	
25	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	
26	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT3	
27	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 01 Số bài thi: 26 / 26

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày...tháng...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Ths. TS. Nguyễn Thị Ngọc

Ngày...tháng...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền

TRƯỞNG

KH/



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim Anh	02/02/1997		8,0	tám	C22QT3	
2	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001		5,5	năm rưỡi	C22QT3	
3	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001		8,0	tám	C22QT3	
4	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002		7,0	bảy	C22QT3	
5	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002				C22QT3	
6	2010100093	Gù Thanh Hưng	28/01/2002		8,0	tám	C22QT3	
7	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000		6,0	sáu	C22QT3	
8	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001		4,0	bốn	C22QT3	
9	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002		6,5	sáu rưỡi	C22QT3	
10	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002		8,0	tám	C22QT3	
11	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002		8,0	tám	C22QT3	Nợ HP
12	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002		8,0	tám	C22QT3	
13	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002		8,0	tám	C22QT3	
14	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000		5,5	Năm rưỡi	C22QT3	
15	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002		7,0	bảy	C22QT3	
16	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002		8,0	tám	C22QT3	
17	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002		8,0	tám	C22QT3	
18	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002		6,5	sáu rưỡi	C22QT3	
19	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001		8,0	tám	C22QT3	
20	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001		8,0	tám	C22QT3	
21	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002		6,0	sáu	C22QT3	
22	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002		8,0	tám	C22QT3	
23	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002		6,0	sáu	C22QT3	
24	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002		8,0	tám	C22QT3	
25	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002		7,0	bảy	C22QT3	
26	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002		7,0	bảy	C22QT3	
27	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002		8,0	tám	C22QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kim

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Huyền

RÚT

KHẢ



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Nguyễn Duy Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Cao Thị Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<u>Diễm</u>		5,2	Năm, hai	C22QT2	
2	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<u>Phu</u>		8	tám	C22QT2	
3	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	12/15/2002	<u>Thuy Lan</u>		6,6	Sáu, sáu	C22QT2	
4	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000	<u>Yến</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT3	
5	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<u>Kim</u>		6,6	Sáu, sáu	C22QT2	
6	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>Long</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT1	
7	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001	<u>Luân</u>		6,4	Sáu, bốn	C22QT3	
8	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>Mai</u>		5	năm	C22QT1	
9	2010100033	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>Nam</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT1	
10	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<u>Kim Ngân</u>		5,4	Năm, bốn	C22QT1	
11	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<u>Hồng Ngọc</u>		7	bảy	C22QT2	
12	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002	<u>Thu Thảo</u>		7,4 ^{ml}	bảy, bốn	C22QT3	
13	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001	<u>Thu Thảo</u>		6,2 ^{ml}	Sáu, hai	C22QT3	
14	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001	<u>Hoàng</u>		6,4 ^{ml}	Sáu, bốn	C22QT3	
15	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002	<u>Thắm</u>		4,8 ^{ml}	bốn, tám	C22QT3	
16	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<u>Anh</u>		4,6	bốn, sáu	C22QT1	
17	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<u>Thuận</u>		5,4 ^{ml}	Năm, bốn	C22QT2	
18	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002	<u>Kim Thuận</u>		4,8 ^{ml}	bốn, tám	C22QT3	
19	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<u>Thủy</u>		7	bảy	C22QT2	
20	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<u>Anh Thư</u>		7	bảy	C22QT1	
21	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<u>Minh Thư</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT1	
22	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<u>Minh Thư</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT2	
23	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<u>Minh Thư</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT1	
24	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<u>Triệu</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT2	
25	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<u>Bích Trâm</u>		7,2	bảy, hai	C22QT1	
26	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<u>Ngọc Trâm</u>		5,8	năm, tám	C22QT1	
27	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002	<u>Huyền Trân</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT3	
28	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002	<u>Thành Triệu</u>		7	bảy	C22QT3	
29	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<u>Diễm Trinh</u>		5	năm	C22QT1	
30	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<u>Phương Trinh</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT1	
31	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002	<u>Trọng Văn</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT3	
32	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<u>Cẩm Vân</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002			5,8	năm, tám	C22QT3	
34	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002			5,4	năm, bốn	C22QT2	
35	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002			5,6	năm, sáu	C22QT2	
36	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002			4,6	bốn, sáu	C22QT3	
37	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002			6	Sáu	C22QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 38 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 .

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh



Ngày 9 tháng 4 năm 2021 .

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền

KHẢO THỬ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Tiền Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002	<u>[Signature]</u>		5,8	năm, tám	C22QT3	
2	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<u>[Signature]</u>		5	năm	C22QT2	
3	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002	<u>[Signature]</u>		5,4	năm, bốn	C22QT3	
4	2010100077	Huỳnh Minh Nhí	13/09/2002	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C22QT3	Nợ HP
5	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C22QT2	
6	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<u>[Signature]</u>		5,2	năm, hai	C22QT1	
7	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<u>[Signature]</u>		6,4	Sáu, bốn	C22QT1	
8	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<u>[Signature]</u>		5,2	năm, hai	C22QT2	
9	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>[Signature]</u>		5	năm	C22QT1	
10	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT3	
11	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	Sáu, sáu	C22QT3	
12	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000	<u>[Signature]</u>		7,4	bảy, bốn	C22QT3	
13	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<u>[Signature]</u>		4,8	bốn, tám	C22QT1	
14	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT3	
15	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C22QT3	
16	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	Sáu, sáu	C22QT1	
17	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT3	
18	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<u>[Signature]</u>		7,2	bảy, hai	C22QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 18 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thu Huyền

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403901

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên: CL

Giám thị 2: Trần Thị Huyền Ký tên: TH

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim Anh	02/02/1997	<u>Kim</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT3	
2	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Băng	19/11/2002	<u>Băng</u>		5,8	năm, tám	C22QT2	
3	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001	<u>Bình</u>		7	bảy	C22QT3	
4	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<u>Bình</u>		7,2	bảy, hai	C22QT2	
5	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001	<u>Cảnh</u>		5,4	năm, bốn	C22QT3	
6	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<u>Chi</u>		4,8	bốn, tám	C22QT2	
7	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<u>Duy</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT2	
8	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>Duyên</u>		4,8	bốn, tám	C22QT1	
9	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>Duyên</u>		5,2	năm, hai	C22QT1	
10	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<u>Dương</u>		5,8	năm, tám	C22QT2	
11	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>Đào</u>		4,6	bốn, sáu	C22QT1	
12	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002	<u>Đạt</u>		6,4	Sáu, bốn	C22QT3	
13	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>Hằng</u>		6,6	Sáu, sáu	C22QT1	
14	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<u>Hân</u>		6,8	Sáu, tám	C22QT2	
15	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<u>Hân</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT2	
16	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<u>Hân</u>		4,4	bốn, bốn	C22QT2	
17	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002					C22QT1	
18	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<u>Hậu</u>		3,4	ba, bốn	C22QT2	
19	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>Hoàn</u>		4,8	bốn, tám	C22QT1	
20	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<u>Huy</u>		6,2	Sáu, hai	C22QT2	
21	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002	<u>Hưng</u>		7,4	bảy, bốn	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 1

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021.

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 9 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thu Huyền 50

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: 3N3MQS

Thời gian thi: 08/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên: Ch

Giám thị 2: Trần Thị Ngọc Ký tên: M

Giám thị 3: Trần Thị Ngọc Ký tên: M

Giám thị 4: Trần Thị Ngọc Ký tên: M

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim Anh	02/02/1997	<u>Kim Anh</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT3	
2	2010100057	Huỳnh Thị Khánh Băng	19/11/2002	<u>Băng</u>	5.8	Năm, tám	C22QT2	
3	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<u>Bình</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT2	
4	2010100075	Nguyễn Thị Mộng Bình	08/04/2001	<u>Bình</u>	7	Bảy	C22QT3	
5	2010100079	Nguyễn Hữu Cảnh	06/08/2001	<u>Cảnh</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT3	
6	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<u>Chi</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT2	
7	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>Đào</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT1	
8	2010100080	Lê Quốc Đạt	23/10/2002	<u>Đạt</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT3	
9	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<u>Dương</u>	5.8	Năm, tám	C22QT2	
10	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<u>Duy</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT2	
11	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>Duyên</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT1	
12	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>Duyên</u>	5.2	Năm, hai	C22QT1	
13	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<u>Hân</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT2	
14	2010100050	Lê Thị Thảo Hân	07/03/2002	<u>Hân</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT2	
15	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/11/2002	<u>Hân</u>	4.4	Bốn, bốn	C22QT2	
16	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>Hằng</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT1	
17	2010100058	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	<u>Hậu</u>	3.4	Ba, bốn	C22QT2	
18	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>Hoàn</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT1	
19	2010100093	Cù Thanh Hưng	28/01/2002	<u>Hưng</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT3	
20	2010100069	Nguyễn Nhật Huy	29/10/2002	<u>Huy</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 20

Số sinh viên đạt: 19

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thu Huyền

Nguyễn Thu Huyền

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: UTBN11

Thời gian thi: 08/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Trần Phú Hoa Ký tên: [Ký]

Giám thị 2: [Ký] Ký tên: [Ký]

Giám thị 3: [Ký] Ký tên: [Ký]

Giám thị 4: [Ký] Ký tên: [Ký]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100076	Trần Thảo Nguyên	09/12/2002	<u>[Ký]</u>	5.8	Năm, tám	C22QT3	
2	2010100052	Trần Thành Nhân	24/05/2002	<u>[Ký]</u>	5	Năm	C22QT2	
3	2010100086	Lê Thị Ý Nhi	01/11/2002	<u>[Ký]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT3	
4	2010100077	Huỳnh Minh Nhi	13/09/2002	<u>[Ký]</u>	6	Sáu	C22QT3	
5	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<u>[Ký]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT1	
6	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<u>[Ký]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT1	
7	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<u>[Ký]</u>	6	Sáu	C22QT2	
8	2010100060	Nguyễn Minh Phúc	07/10/2002	<u>[Ký]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT2	
9	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>[Ký]</u>	5	Năm	C22QT1	
10	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002	<u>[Ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT3	
11	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/04/2002	<u>[Ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT3	
12	2010100092	Nguyễn Thị Hoài Phương	15/09/2000	<u>[Ký]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT3	
13	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/09/1999	<u>[Ký]</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT1	
14	2010100074	Nguyễn Tấn Tài	12/08/2002	<u>[Ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT3	
15	2010100094	Nguyễn Minh Tâm	08/01/2002	<u>[Ký]</u>	6	Sáu	C22QT3	
16	2010100084	Hồ Thị Thanh Thảo	04/10/2002	<u>[Ký]</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT3	
17	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<u>[Ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT1	
18	2010100056	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/2002	<u>[Ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 18

Số sinh viên đạt: 18

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Ký]

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Ký]

Nguyễn Thu Thủy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: E4P6FZ

Thời gian thi: 08/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Đình Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Cao Thị Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100059	Đoàn Thị Diễm Kiều	02/02/2002	<u>Kieu</u>	5.2	Năm, hai	C22QT2	
2	2010100070	Hà Thị Phương Kiều	13/02/2002	<u>Kieu</u>	8	Tám	C22QT2	
3	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	15/12/2002	<u>Thuy Lan</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT2	
4	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000	<u>Linh</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT3	
5	2010100068	Hồ Thị Kim Loan	02/03/2002	<u>Loan</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT2	
6	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>Long</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT1	
7	2010100078	Lê Vũ Luân	20/11/2001	<u>Luân</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT3	
8	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>Mai</u>	5	Năm	C22QT1	
9	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>Nam</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT1	
10	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/06/2002	<u>Ngân</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT1	
11	2010100071	Phan Vũ Hồng Ngọc	09/08/2002	<u>Ngọc</u>	7	Bảy	C22QT2	
12	2010100178	Cao Hoàng Thái	26/11/2001	<u>Thái</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT3	
13	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002	<u>Thắm</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT3	
14	2010100090	Trần Thu Thảo	06/06/2002	<u>Thảo</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT3	
15	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001	<u>Thảo</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT3	
16	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<u>Anh</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT1	
17	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001	<u>Thư</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT1	
18	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002	<u>Anh</u>	7	Bảy	C22QT1	
19	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002	<u>Thư</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT1	
20	2010100053	Nguyễn Thị Minh Thư	23/02/2002	<u>Thư</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT2	
21	2010100063	Lư Huỳnh Duy Thuận	19/06/2002	<u>Thuận</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT2	
22	2010100088	Nguyễn Thị Kim Thuận	06/09/2002	<u>Thuận</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT3	
23	2010100049	Phan Triệu Thương	08/09/2002	<u>Thương</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT2	
24	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002	<u>Thủy</u>	7	Bảy	C22QT2	
25	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<u>Trâm</u>	5.8	Năm, tám	C22QT1	
26	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<u>Trâm</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT1	
27	2010100089	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/05/2002	<u>Trân</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT3	
28	2010100105	Phan Thành Triệu	07/08/2002	<u>Triệu</u>	7	Bảy	C22QT3	
29	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<u>Trinh</u>	5	Năm	C22QT1	
30	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002	<u>Trinh</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT1	
31	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<u>Vân</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT1	
32	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002	<u>Văn</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT3	
33	2010100087	Nguyễn Thị Tường Vi	18/11/2002	<u>Vi</u>	5.8	Năm, tám	C22QT3	
34	2010100055	Đặng Hoàng Thúy Vy	13/12/2002	<u>Vy</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT2	
35	2010100061	Nguyễn Thị Thúy Vy	11/05/2002	<u>Vy</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT2	
36	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002	<u>Xuyên</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT3	
37	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002	<u>Yến</u>	6	Sáu	C22QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

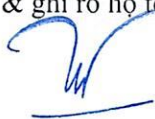
Số sinh viên dự thi: 37

Số sinh viên đạt: 37

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thu Huyền